

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST

Ngày: 13-7-2017

V/v “*tranh chấp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thật.

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lâm Thị Bé.

2. Ông Lê Văn Lý.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Duân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Thiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 187/2016/TLST-DS ngày 26/12/2016 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Đoàn Thành Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp B, xã T2, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông Đ có mặt; ông D vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tấn D xác định D khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Thành Đ phải trả cho ông D số tiền nợ hui là 4.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu ông D phải trả một lần.

Yêu cầu, đề nghị của ông Đoàn Thành Đ: Ông Đ thống nhất còn nợ ông D số tiền 4.500.000 đồng, ông Đ đồng ý trả số tiền nợ trên và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất được: Ông Nguyễn Tấn D và ông Đoàn Thành Đ thống nhất vào ngày 20/8/2013, ông D có tham gia chơi một dây hui 1.000.000 đồng, 01 tháng khui một lần, dây hui gồm 10 hui viên do ông Đoàn Thành Đ làm chủ hui. Ngày 20/5/2014 thì ông D bỏ thăm hót hui Đ số tiền 7.700.000 đồng. Ông Đ hẹn trong vòng 10 đến 15 ngày sẽ giao số tiền hui trên cho ông D, nhưng đến hẹn ông Đ chỉ giao cho ông D số tiền 2.000.000 đồng. Do ông Đ không giao đủ hui nên ông D có yêu cầu ban hòa giải áp giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 25/4/2016 của tổ hòa giải áp B thì ông Đ hứa là sẽ trả cho ông D mỗi tháng 1.000.000 cho đến khi hết số tiền 5.700.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ chỉ trả cho ông D số tiền 1.200.000 đồng, còn lại số tiền 4.500.000 đồng đến nay ông Đ vẫn chưa trả cho ông D.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Ông D yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ hui 4.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần. Ông Đ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung khởi kiện của ông D: Đối chiếu với các quy định pháp luật, căn cứ lời trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hội” được quy định tại Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Tấn D: Do ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Tấn D khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Thành Đ trả số tiền nợ hội 4.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Đoàn Thành Đ thừa nhận ông D có tham gia dây hội do ông Đ làm chủ hội, ông Đ còn nợ ông D số tiền 4.500.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D thì ông Đ đồng ý trả cho ông D số tiền nợ nêu trên. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D có cơ sở chấp nhận, buộc ông Đoàn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 4.500.000 đồng.

Về thời gian trả và cách thức trả: Ông Đ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ, ông D vắng mặt nên các đương sự không thống nhất Đ thời gian trả, cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Trong trường hợp ông Đoàn Thành Đ chậm trả thì ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền Đ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Ông Đoàn Thành Đ phải liên đới chịu số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Tấn D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D đối với ông Đoàn Thành Đ về tranh chấp hội. Buộc ông Đoàn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp ông Đoàn Thành Đ chậm trả thì ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền Đ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Đoàn Thành Đ phải chịu số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Ông Nguyễn Tấn D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D số tiền 126.000đ (một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu số 0003841 ngày 26 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về kháng cáo: Ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thật